

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/DS-ST

Ngày: 05-7-2018.

“V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Thanh Cao.

Ông Đặng Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST-DS, ngày 02/4/2018, “V/v tranh chấp hợp đồng dân sự đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐST-DS ngày 22/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 203/2018/QĐST-DS ngày 14/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị N, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số nhà 388/1 ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt).

2. Bị đơn: Bùi Thị S, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Số nhà 387/1 ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/02/2018, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị N trình bày: Vào năm 1995 bà N có cho bà Bùi Thị S mượn số vàng 2,5 chỉ vàng 24k (vàng 9999) và 0.5 chỉ vàng quy ra từ tiền gạo và tiền lúa mà bà S mượn của bà N. Tổng cộng là 03 chỉ vàng 24k, thời hạn mượn không có thỏa thuận, lãi cũng không có thỏa thuận. Vào ngày 31/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Phong H bà S thừa nhận có mượn bà N 2.5 chỉ vàng 24k và đồng ý trả số vàng này cho bà N nhưng đến nay bà S không thực hiện việc trả vàng này. Nay bà N yêu cầu Tòa

án giải quyết buộc bà S phải có nghĩa vụ trả lại 2,5 chỉ vàng mà bà S đã mượn của bà N. Bà N rút yêu cầu đối với 0.5 chỉ vàng 24k quy ra tiền mượn gạo và lúa mà bà S mượn của bà N. (01 chỉ vàng 24k là 3.600.000 đồng), không yêu cầu lãi.

Đối với bị đơn Bùi Thị S kể từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử hôm này, Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng Bùi Thị S vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có văn bản phản bác gì đối với yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Xét xử vắng mặt: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, bị đơn Bùi Thị S đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn Bùi Thị S vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến trình bày hay giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn Lê Thị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn Bùi Thị S là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Xác định quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị N kiện bà Bùi Thị S trả lại 2,5 chỉ vàng mà bà N cho bà S mượn năm 1995. Việc mượn tiền được thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 31/3/2016 bà S thừa nhận có mượn bà N 2,5 chỉ vàng 24k. Thời hạn cho mượn là năm 1995 đến nay bà N đòi lại. Do đó, có đủ căn cứ xác định đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng dân sự đòi lại tài sản” được quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, việc bà Lê Thị N yêu cầu bà Bùi Thị S trả số vàng 2.5 chỉ vàng 24k mà bà S đã mượn của bà N vào năm 1995, lãi không yêu cầu. Để chứng minh cho yêu cầu của mình bà N đã xuất trình được biên bản hòa giải về việc tranh chấp dân sự vào ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã Phong H, nội dung thể hiện bà S thừa nhận có mượn của bà N 2,5 chỉ vàng 24k có xác nhận bà N và bà S đã ký vào biên bản này và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Phong H. Thế nhưng, Tòa án đã thông báo cho bà S biết về các tài liệu, chứng cứ mà bà N đã giao nộp cho Tòa án, trong đó có biên bản làm việc ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã Phong H là chứng cứ theo yêu cầu của bà N thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà S theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà S vẫn không có ý kiến thể hiện sự phản đối đối với biên

nhận mà bà N đã giao nộp cho Tòa án, đồng thời cũng không giao nộp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn Lê Thị N. Điều này, chứng tỏ rằng bà S đã không phản đối đối với chứng cứ mà bà N đã giao nộp cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Cho nên yêu cầu đòi lại vàng của bà N được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa bà N rút yêu cầu đòi với 0.5 chỉ vàng 24k nên cần đình chỉ phần này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị N được chấp nhận toàn bộ, cho nên bị đơn Bùi Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Lê Thị N yêu cầu Bùi Thị S trả 2,5 chỉ vàng 24k (vàng 9999).

Buộc Bùi Thị S có nghĩa vụ trả cho Lê Thị N vốn 2,5 chỉ vàng 24k (vàng 9999).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số vàng trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất bình quân của ba tổ chức tín dụng tại địa phương có quy định, tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí, tạm ứng án phí: (Giá vàng tính án phí 3.600.000 đồng/01 chỉ).

- Bùi Thị S phải chịu 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Lê Thị N 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0001183, ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 05/6/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại

phiên tòa ngày 05/6/2018 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (Nh.08b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Hoa Lư